

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đào Thị Mai Hương.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Dương Tuấn Anh, chức vụ: Giám đốc viễn thông Thừa Thiên Huế;

2. Bà Nguyễn Thị Bích Loan, chức vụ: Phó Hiệu trưởng Trường trung học cơ sở Phạm Văn Đồng, thành phố Huế.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Nhân Đức, cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Trần Tuấn Anh, Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế (số 11 Tôn Đức Thắng, thành phố Huế), Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử công khai, sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 45/2017/HSST ngày 20/10/2017, đối với các bị cáo:

1. Võ Văn P, giới tính: Nam; sinh ngày 18 tháng 6 năm 1996, trú tại: Thôn SB, xã KS, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Không, quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; con ông VVT, sinh năm 1960, con bà PTT, sinh năm 1966, vợ, con: Chưa, Tiền án, tiền sự: Không.

Quá trình nhân thân: Nhỏ ở với cha, mẹ tại xã KS, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh và đi học đến lớp 9 thì nghỉ học ở nhà. Tháng 02 năm 2016, tham gia nghĩa vụ quân sự đóng quân ở thành phố Đà Nẵng. Ngày 28 tháng 3 năm 2017 sau khi xác định Võ Văn P không đủ tiêu chuẩn chính trị phục vụ trong quân đội nên được cho xuất ngũ.

Bị bắt tạm giam ngày 29 tháng 3 năm 2017, có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Văn T, giới tính: Nam, sinh ngày 20 tháng 3 năm 1993; trú tại: Thôn BH, xã KL, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, nghề nghiệp: Không, quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12, con ông TVK, sinh năm 1969, con bà LTT, sinh năm 1975, vợ, con: chưa; tiền án, tiền sự: Không.

Quá trình nhân thân: Nhỏ ở với cha, mẹ và đi học hết lớp 12 tại xã KL, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, sau đó đi học tại Trường cao đẳng nghề tại thành phố Hồ Chí Minh nhưng học được một năm thì nghỉ học trở về địa phương làm nghề buôn bán sim số đẹp. Từ tháng 02 năm 2017 làm công nhân tại công ty S thuộc khu Công nghiệp Samsung-Vina đóng tại xã YT, huyện YP, tỉnh Bắc Ninh, tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giam ngày 11 tháng 5 năm 2017 (theo quyết định truy nã), có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Quý Đ, giới tính: Nam, sinh ngày 24 tháng 3 năm 1998, trú tại: Thôn SB, xã KS, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, nghề nghiệp: Không, quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12, con ông NHV (đã chết), con bà: ĐTC, sinh năm 1958, vợ, con: Chưa, tiền án, tiền sự: Không.

Quá trình nhân thân: Nhỏ ở với ông bà ngoại và mẹ tại xã KS, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, đi học đến lớp 11/12 thì nghỉ học, sau đó ở nhà cho đến ngày gây án.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Thị T, giới tính: Nữ, sinh ngày 10 tháng 4 năm 1991, nơi ĐKKHTT và chỗ ở: Thôn MC, xã KH, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, nghề nghiệp: Buôn bán, quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12, con ông NTT (đã chết), con bà: VTT, sinh năm 1952, chồng: NBB, sinh năm 1985, con: Có 01 người, sinh năm 2012, tiền án, tiền sự: Không.

Quá trình nhân thân: Nhỏ ở với cha, mẹ tại xã KH, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, đi học hết lớp 12 thì nghỉ học sau đó ở nhà. Năm 2012, lập gia đình và làm ăn, buôn bán tại địa phương.

Bị bắt tạm giam ngày 09 tháng 02 năm 2017, có mặt tại phiên tòa.

5. Phan Thị Th, giới tính: Nữ, sinh ngày 12 tháng 11 năm 1982, trú tại: Thôn VL, xã KV, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, nghề nghiệp: Kế toán chợ KV và buôn bán. quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12, con ông: PTX, sinh năm 1960, con bà NTH, sinh năm 1959, chồng LQV, sinh năm 1963, con: Có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2013.

Quá trình nhân thân: Nhỏ ở với cha, mẹ tại địa phương, học hết lớp 12, sau đó đi học kế toán tại Trường trung cấp ở thị xã TS, tỉnh Bắc Ninh. Năm 2005, tốt nghiệp đi làm kế toán tự do cho các công ty, doanh nghiệp tại địa phương. Từ năm 2008, lập gia đình và tiếp tục làm kế toán cho các công ty, doanh nghiệp, sau đó làm kế toán và buôn bán hàng tạp hóa tại chợ KV thuộc xã KV, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh.

Bị bắt tạm giam ngày 09 tháng 02 năm 2017 đến ngày 08 tháng 6 năm 2017 được thay đổi biện pháp ngăn chặn từ tạm giam bằng biện pháp đặt tiền để đảm bảo.

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

1. Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn T: Ông NVT, Luật sư của Văn phòng Luật sư TCT thuộc Đoàn luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế, có mặt.

2. Người bị hại: Bà Lương Thị Thanh Tr; sinh năm 1952; trú tại: đường TQK, phường A, thành phố H, có mặt.

Người được ủy quyền của người bị hại: Ông PLQ; sinh năm 1984; trú tại đường TQK, phường A, thành phố H, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông NTL; sinh năm 1990; trú tại: Thôn SB, xã KS, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, vắng mặt do đã đi xuất khẩu lao động, có bà ĐTC là mẹ anh L làm đại diện.
- Ông NBB; sinh năm 1985; trú tại: Thôn MC, xã KH, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt.
- Bà NTH, sinh năm 1959 (mẹ của bị cáo Phan Thị Th); trú tại: phường ST, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt.
- Ông VVT, sinh năm 1950 và bà PTT, sinh năm 1966 (bố, mẹ của bị cáo Võ Văn P); cùng trú tại: Thôn SB, xã KS, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh, có mặt.
- Tổng Công ty Truyền thông ĐPT; địa chỉ: đường LT Lạc Trung, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông ĐMN, chức vụ: Tổng giám đốc. Người được ủy quyền: Ông TQV, chức vụ: Giám đốc Trung tâm thanh toán điện tử trực thuộc Cty ĐPT và nội dung số, ông TQV có mặt.

NHẬN THẤY

Các bị cáo: Võ Văn P, Trần Văn T, Nguyễn Quý Đ, Nguyễn Thị T, Phan Thị Th bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế truy tố tại cáo trạng số 20/QĐ/KSĐT ngày 20/10/2017 về hành vi phạm tội như sau:

1. Hành vi phạm tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo Võ Văn P, Trần Văn T, Nguyễn Quý Đ thực hiện như sau:

Vào giữa tháng 6 năm 2015, Võ Văn P, Trần Văn T, Nguyễn Quý Đ đã bàn bạc thống nhất là giả danh nhân viên ngân hàng để lừa người khác bằng hình thức thông báo chương trình trúng thưởng số điện thoại lấy tiền chia nhau. Để thực hiện hành vi lừa đảo, các bị cáo sử dụng điện thoại di động của mình bấm vào số điện thoại di động ngẫu nhiên nếu người nào nghe máy thì lừa người đó. Sáng ngày 16 tháng 6 năm 2015, Võ Văn P, Trần Văn T, Nguyễn Quý Đ gặp nhau, rủ nhau đến nhà bà O (nhà không có người ở) phía sau nhà của Võ Văn P, tại đây các bị cáo sử dụng nhiều số điện thoại di động thuê bao trả trước đã kích hoạt, không đăng ký chủ sở hữu hoặc không chính chủ (sim rác số 0968486639, 01634800819, 0964051642,...) để gọi đi. Nguyễn Quý Đ đã gọi được vào số điện thoại di động 0963133345 (đây là số điện thoại của bà Lương Thị Thanh Tr; sinh năm 1952; trú tại đường TQK, phường A, thành phố H) thì máy đổ chuông nhưng không ai nghe máy. Sau đó bà Tr gọi lại thì Nguyễn Quý Đ cầm máy. Nguyễn Quý Đ tự giới thiệu tên là T, nhân viên Ngân hàng Vietcombank chi nhánh Hà Nội và thông báo với bà Tr là: Số điện thoại của bà đã may mắn trúng giải thưởng đặc biệt 245 triệu đồng tiền mặt và một chiếc xe máy trị giá 70 triệu đồng từ chương trình liên kết quay số trúng thưởng giữa mạng viễn thông quân đội Viettel với Ngân hàng Vietcombank chi nhánh Hà Nội. Đồng thời yêu cầu bà giữ bí mật vấn đề trúng thưởng này để làm bí mật cho gia đình và ngân hàng. Bà Tr hỏi: “*Bây giờ nhận giải ở đâu*” thì Nguyễn Quý Đ trả lời: “*Hiện nay giải thưởng đang ở tại Ngân hàng Vietcombank Chi nhánh Hà Nội*”. Để nhận giải thưởng thì có hai hình thức: Hình thức thứ nhất là bà ra nhận trực tiếp tại Hà Nội, hình thức thứ hai là qua gián tiếp tức là ngân hàng sẽ chuyển giải thưởng về thành phố H trao.

Bà Tr chọn hình thức trao giải thưởng gián tiếp. Sau khi nói xong thì Nguyễn Quý Đ nói cho T, Võ Văn P nghe lại nội dung đã nói với bà Tr và cho rằng bà đã tin nên đưa số điện thoại của bà Tr cho Trần Văn T để T tra cứu trực tuyến thông tin cá nhân của bà Tr trên mạng Internet nhưng không được. Lúc này bà Tr tiếp tục gọi lại nhưng do không kiểm tra được thông tin cá nhân của bà Tr, Võ Văn P ngồi bên cạnh nói với Nguyễn Quý Đ yêu cầu bà nộp 1.000.000 đồng bằng hình thức mua thẻ cào nạp điện thoại di động trả trước (Viết tắt là thẻ cào) của nhà mạng Viettel, đọc mã số thẻ, mã số seri thẻ để làm các thủ tục nhận giải thưởng. Bà Tr tin tưởng đi mua thẻ cào rồi đọc mã số thẻ, mã số seri thẻ vào máy của Nguyễn Quý Đ thì Nguyễn Quý Đ đưa máy cho Võ Văn P nghe, còn Nguyễn Quý Đ ngồi bên cạnh nghe nhập các mã số thẻ, mã số seri thẻ này vào máy điện thoại của T rồi giao lại cho Võ Văn P. Sau khi T kiểm tra được thông tin cá nhân của bà Tr thì cả nhóm tiếp tục gọi cho bà Tr yêu cầu nộp thêm tiền. Lần này bà Tr không tin và không nộp thêm tiền thì Võ Văn P dọa nếu không nộp thêm tiền thì cắt giải thưởng, đồng thời bị mất 1.000.000 đồng đã nộp trước đó. Để củng cố niềm tin, Võ Văn P yêu cầu bà Tr gọi vào máy điện thoại bàn của Ngân hàng Vietcombank Chi nhánh Hà Nội để hỏi, bằng cách thêm mã số điện thoại quốc gia Việt Nam (084) vào trước số điện thoại di động 0968486639 của mình thành 084968486639. Bà Tr gọi vào số điện thoại như Võ Văn P đã cung cấp thì Võ Văn P cầm máy, giả giọng người khác xác nhận là có giải thưởng như trên, đồng thời yêu cầu bà gọi vào số máy điện thoại di động của. Lúc này bà Tr đã tin tưởng, nghe và nộp thêm tiền cho Võ Văn P. Sau khi có được mã số thẻ, mã số seri thẻ các bị cáo đưa đi bán. Khi đi đến địa phận xã KH thấy cửa hàng buôn bán tạp hóa của Nguyễn Thị T có mua bán sim, card điện thoại, nên ghé vào uống nước rồi bán cho Nguyễn Thị T với giá 75%/mệnh giá thẻ, cho Nguyễn Thị T nợ đến tối mới đến lấy tiền.

Các ngày tiếp theo, Võ Văn P, Trần Văn T, Nguyễn Quý Đ lấy nhiều lý do khác nhau như lệ phí vận chuyển, lệ phí trúng thưởng, lệ phí hải quan, tiền mua vé máy bay vào thành phố H trao giải, tiền nợ thuê bao số di động của bà Tr chưa trả,... để yêu cầu bà Tr mua thẻ cào của nhà mạng di động Viettel, rồi cào đọc mã số thẻ, mã số seri thẻ cho các bị can. Vì tin tưởng nội dung thông báo trúng thưởng là có thật và số tiền các bị yêu cầu nhiều nên bà Tr đến Công ty VTA đóng tại Thành phố H mua. Theo lời khai của bà Tr thì từ ngày 16 đến ngày 24 tháng 6 năm 2015, bà đã mua và chuyển mã số thẻ, mã số seri thẻ cào cho các đối tượng lừa bà tổng cộng số tiền khoảng 325.000.000 đồng. Sau khi có được mã số thẻ các bị can sử dụng điện thoại (số sim không chính chủ) chuyển tin nhắn có số mã thẻ, mã số seri thẻ đến điện thoại di động của Nguyễn Thị T bán (trừ lần đầu tiên bán trực tiếp) với giá 75%/mệnh giá thẻ. Đến chiều cùng ngày thì các bị can đến trực tiếp lấy tiền tại nhà Nguyễn Thị T hoặc Nguyễn Thị T trả tiền ở một địa điểm khác theo sự thỏa thuận giữa Nguyễn Thị T và các bị can. Sau khi lừa được tiền của bà Tr thì T, Nguyễn Quý Đ, Võ Văn P chia nhau tiêu xài cá nhân. Nguyễn Quý Đ dùng tiền chia được mua một xe mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter trị giá 48.500.000 đồng nhưng do chưa đủ tuổi nên Nguyễn Quý Đ đã nhờ anh trai của mình là NTL đứng tên đăng ký xe mang biển kiểm soát số 38K1 - 298.32. Riêng ngày 24 tháng 6 năm 2015 sau khi bán mã thẻ điện thoại cho Nguyễn Thị T với số tiền 52.500.000 đồng, các bị cáo không lấy tiền ngay mà đi vào tỉnh Bình Dương chơi, sau đó Võ Văn P đến Ngân hàng Vietcombank

Chi nhánh Nam Bình Dương mở tài khoản ATM có số xxx, dùng số điện thoại 0962682789 của Trần Văn T yêu cầu Nguyễn Thị T chuyển tiền vào tài khoản của Võ Văn P để Võ Văn P rút tiền tiêu xài chung. Cùng ngày, Võ Văn P đã rút hết số tiền này và đưa cho Trần Văn T 35.000.000 đồng để mua một xe mô tô hiệu Yamaha, loại Exciter đã qua sử dụng tại thành phố Hồ Chí Minh.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã đối chiếu các thẻ cào mà bà Tr đã cào gửi cho Võ Văn P, Trần Văn T, Nguyễn Quý Đ để các bị cáo bán cho Nguyễn Thị T rồi Nguyễn Thị T bán lại cho Phan Thị Th thì chỉ có 331 mã thẻ tương đương 165.500.000 đồng đã được nhập vào một tài khoản mở tại Công ty V.

2. Hành vi phạm tội của bị cáo Nguyễn Thị T, Phan Thị Th

a. Hành vi phạm tội của Nguyễn Thị T:

Sau khi mua được thẻ cào của các bị can T, Võ Văn P, Nguyễn Quý Đ với giá 75% vào ngày 16 tháng 6 năm 2015 thì Nguyễn Thị T đưa đến chợ thị xã KA bán lại cho Phan Thị Th và hai bên thống nhất các lần tiếp theo khi có thẻ cào Nguyễn Thị T dùng điện thoại di động của mình số 0975340133 chuyển tin nhắn có đầy đủ thông tin về mã số thẻ, số seri thẻ vào số máy điện thoại 0972687786 cho Phan Thị Th, đến chiều cùng ngày Phan Thị Th chuyển trả tiền vào tài khoản số xxx do Nguyễn Thị T mở tại Chi nhánh Ngân hàng Vietcombank thị xã KA, tỉnh Hà Tĩnh. Phan Thị Th chuyển tiền vào tài khoản cho Nguyễn Thị T rồi Nguyễn Thị T đi rút và trả lại cho các bị cáo T, Võ Văn P và Nguyễn Quý Đ theo thỏa thuận.

Như vậy, từ ngày 16 đến ngày 24 tháng 6 năm 2015, Nguyễn Thị T đã mua toàn bộ 331 mã thẻ cào điện thoại trị giá 165.500.000 đồng (do các bị cáo T, Võ Văn P, Nguyễn Quý Đ chiếm đoạt của bà Tr) với giá 75% rồi bán lại cho Phan Thị Th với giá 78%, thu được 4.965.000 đồng (3%).

b. Hành vi phạm tội của Phan Thị Th:

Phan Thị Th đăng ký mở ba tài khoản tại Công ty V (đường LT, quận H, thành phố Hà Nội), trong đó có tài khoản mang tên Phan Thị Th, đăng ký số điện thoại 0972687786, số giấy chứng minh nhân dân số 183288463, số tài khoản 0972687786, email Htxluonggia@gmail.com. Đồng thời mở các tài khoản tại Ngân hàng Vietcombank, Chi nhánh thị xã KA, tỉnh Hà Tĩnh (là ngân hàng có liên kết với hệ thống thanh toán Ví điện tử VTC Pay), gồm: Tài khoản số xxx mang tên Phan Thị Th, đăng ký số điện thoại: 0972687786, Giấy chứng minh nhân dân số: 183288463; Tài khoản số: xxx0 mang tên NTH (Mẹ của Phan Thị Th), đăng ký số điện thoại 01633317255, Giấy Chứng minh nhân dân số xxx.

Sau khi có các tài khoản này Phan Thị Th sử dụng chức năng thanh toán không dùng tiền mặt (nộp tiền qua Ví điện tử VTC Pay) bằng cách nhập mã số mệnh giá thẻ cào điện thoại, mã số seri thẻ vào tài khoản VTC Pay nói trên, hệ thống Ví điện tử VTC Pay tự động kích hoạt việc quy đổi số mã thẻ này thành tiền Việt Nam đồng rồi chuyển vào các tài khoản Ngân hàng Vietcombank cho Phan Thị Th.

Từ ngày 16 đến ngày 24 tháng 6 năm 2015 Phan Thị Th đã mua 331 thẻ của Nguyễn Thị T với giá 78%/mệnh giá thẻ rồi nộp vào tài khoản VTC Pay mang tên

Phan Thị Th và được hệ thống quy đổi thành giá 82% (chênh lệch 4%), thu lợi bất chính 6.620.000 đồng.

* Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tạm giữ các đồ vật và tài sản liên quan sau:

- Anh PLQ (con bà Tr) giao nộp: 05 tờ ghi danh sách mã thẻ điện thoại mạng Viettel mệnh giá 500.000 đồng, 07 tờ thông tin khách hàng mạng tên bà Lương Thị Thanh Tr mua card Viettel mệnh giá 500.000 đồng tại Công ty VTA, 52 tờ giấy ghi cốt thẻ cào của mạng điện thoại di động (hiện lưu hồ sơ vụ án)

- Tạm giữ của Phan Thị Th, gồm:

+ 01 (Một) máy tính laptop, model: TP500L, hiệu ASUS, màu đen.

+ 01 (Một) điện thoại di động hiệu Sam sung SM-G925F, màu vàng.

+ 01 (Một) điện thoại di động hiệu Nokia-1280, màu tím, số IMEI 354339/04/857378/0.

+ 01 (Một) điện thoại di động Nokia-1280, màu đen, số IMEI: 353779/04/932587/3.

+ 01 (Một) tập giấy tờ ghi nhiều dãy số (chưa kiểm tra cụ thể) được bỏ vào bìa hồ sơ và niêm phong lại bằng giấy niêm phong có chữ ký của Điều tra viên và Phan Thị Th.

- Tạm giữ của Võ Văn P, gồm:

+ 01 (Một) Giấy chứng minh nhân dân mang tên Võ Văn P.

+ 01 (Một) thẻ ATM số 0411001021007, chủ thẻ Võ Văn P do Ngân hàng Vietcombank phát hành.

- Tạm giữ của Nguyễn Quý Đ 01 (Một) xe mô tô kèm theo Giấy đăng ký xe mang biển kiểm soát số 38K1-298.32 màu xanh bạc, nhãn hiệu Yamaha-Exciter mang tên NTL do bà ĐTC (mẹ của Nguyễn Quý Đ) giao nộp.

- Tạm giữ của Trần Văn T gồm:

+ 01 (Một) điện thoại di động Vega, màu trắng, số IMEI 356163050479472S/N: 0087888.

+ 01 (Một) điện thoại di động Nokia-107, màu đỏ, số IMEI 1: 354273/06/755090/0, Số IMEI 2: 354273/06/755091/8.

+ 01 (Một) thẻ ATM số 9704366811805774011, chủ thẻ mang tên Trần Văn T do Ngân hàng Vietcombank phát hành.

+ 01 (Một) thẻ ATM số 9704320866517446, chủ thẻ mang tên Trần Văn T do Ngân hàng VP Bank phát hành.

- Bị cáo và gia đình của các bị cáo nộp thay một khoản tiền để khắc phục hậu quả như sau:

+ Anh NBB (chồng bị cáo Nguyễn Thị T) nộp 4.965.000 đồng.

- + Bà NTH (mẹ của bị cáo Phan Thị Th) nộp 6.620.000 đồng.
- + Ông VVT và bà PTT (cha, mẹ của bị cáo Võ Văn P) nộp 30.000.000 đồng.
- + Bị cáo Nguyễn Quý Đ nộp 20.000.000 đồng.

Ngoài ra, gia đình bị cáo Võ Văn P tự thỏa thuận bồi thường trực tiếp cho bà Lương Thị Thanh Tr với số tiền 20.000.000 đồng.

* Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành mở niêm phong tập giấy tờ đã thu giữ của Phan Thị Th nhưng xét thấy tập giấy tờ này không liên quan đến vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu.

* Sau khi bị bắt, Trần Văn T khai đã có thời gian điều trị bệnh rối loạn hỗn hợp lo âu và trầm cảm tại Bệnh viện tâm thần Hà Tĩnh nên Cơ quan Cảnh sát điều tra ra Quyết định trưng cầu giám định tâm thần đối với Trần Văn T. Tại Bản kết luận giám định pháp y tâm thần số: 548/KLGĐTC ngày 30 tháng 8 năm 2017 của Trung tâm Pháp y tâm thần khu vực Miền Trung kết luận đối với Trần Văn T như sau:

1. Trước thời điểm gây án:

- a. Về mặt y học: Rối loạn lo âu không biệt định (F41.9).
- b. Về mặt pháp luật: Đủ khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành

vi.

2. Tại thời điểm gây án:

- a. Về mặt y học: Rối loạn lo âu không biệt định (F41.9).
- b. Về mặt pháp luật: Đủ khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành

vi.

3. Tại thời điểm hiện tại:

- a. Về mặt y học: Rối loạn lo âu không biệt định (F41.9).

Đề nghị điều trị ngoại trú liên tục.

- b. Về mặt pháp luật: Đủ khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành

vi.

Tại bản cáo trạng số 20/QĐ/KSĐT ngày 20/10/2017, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố:

- Bị cáo Võ Văn P, Trần Văn T, Nguyễn Quý Đ về tội: “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm e, khoản 2, Điều 139 của Bộ luật Hình sự;

- Bị cáo Nguyễn Thị T, Phan Thị Th về tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 250 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế giữ nguyên bản cáo trạng đã truy tố các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm e, khoản 2, Điều 139; điểm b, p khoản 1, Điều 46; điểm n, khoản 1 Điều 48, Điều 33 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Võ Văn P từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng điểm e, khoản 2, Điều 139; điểm n, p khoản 1 Điều 46, Điều 33 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn T từ 03 năm đến 04 năm tù.

- Áp dụng điểm e, khoản 2, Điều 139; Điều 69, Điều 74; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 33 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Quý Đ từ 02 năm đến 03 năm tù.

Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường số tiền đã chiếm đoạt cho người bị hại và xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

- Áp dụng điểm c, khoản 2, Điều 250 điểm b, p khoản 1, Điều 46; Điều 47 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị T và bị cáo Phan Thị Th (áp dụng thêm Điều 60 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Phan Thị Th),

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T từ 12 tháng đến 18 tháng tù.

Xử phạt bị cáo Phan Thị Th từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng đến 24 tháng.

Buộc bị cáo Nguyễn Thị T và bị cáo Phan Thị Th phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính để sung công quỹ Nhà nước.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại; người bào chữa và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Có đủ cơ sở để kết luận:

Từ ngày 16 đến ngày 24 tháng 6 năm 2015, bị cáo Võ Văn P, Trần Văn T, Nguyễn Quý Đ giả danh nhân viên Ngân hàng Vietcombank Chi nhánh Hà Nội, sử dụng điện thoại di động gọi vào số điện thoại của bà Lương Thị Thanh Tr thông báo số điện thoại của bà đã may mắn trúng giải thưởng đặc biệt 245 triệu đồng tiền mặt và một chiếc xe máy trị giá 70 triệu đồng từ chương trình liên kết quay số trúng thưởng giữa mạng viễn thông quân đội Viettel với Ngân hàng Vietcombank Chi nhánh Hà Nội để lừa bà Tr nộp một số lệ phí để nhận giải thưởng bằng hình thức mua thẻ cào điện thoại di động của nhà mạng Viettel rồi cào và đọc mã số thẻ, số seri thẻ cho Võ Văn P, Trần Văn T, Nguyễn Quý Đ. Bằng thủ đoạn này các bị cáo đã lừa chiếm đoạt của bà Tr được 331 mã số thẻ, loại mệnh giá 500.000 đồng/mã số thẻ, tổng trị giá 165.500.000 đồng. Sau khi có các mã số thẻ, Võ Văn P, Trần Văn T, Nguyễn Quý Đ bán cho Nguyễn Thị T với giá 75%/mệnh giá thẻ, thu được 124.125.000 đồng.

Nguyễn Thị T biết rõ các mã thẻ này do các bị cáo Võ Văn P, Trần Văn T, Nguyễn Quý Đ lừa của người khác mà có, nhưng do thấy bán rẻ hơn so với thị trường nên mua để bán lại kiếm lời. Sau khi mua mã số thẻ từ Võ Văn P, Trần Văn T, Nguyễn Quý Đ. Nguyễn Thị T đem bán lại cho Phan Thị Th với giá 78%/mệnh giá thẻ, thu lợi được 4.965.000 đồng.

Phan Thị Th biết 331 mã thẻ Nguyễn Thị T bán cho mình đều do các đối tượng lừa đảo mà có nhưng cũng mua để bán lại kiếm lời. Tất cả mã số thẻ Phan Thị Th mua của Nguyễn Thị T với giá 78%. Sau đó, nhập vào tài khoản VTC Pay 0972687786 mang tên của mình bán cho Công ty V, giá 82%/mệnh giá thẻ, thu lợi được 6.620.000 đồng.

Hành vi của bị cáo Võ Văn P, Trần Văn T, Nguyễn Quý Đ như vừa nêu trên đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, phạm vào điểm e, khoản 2, Điều 139 Bộ luật hình sự .

Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị T, Phan Thị Th như vừa nêu trên đã phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại điểm c, khoản 2, Điều 250 của Bộ luật Hình sự.

Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố các bị cáo tại bản cáo trạng số 20/QĐ/KSĐT ngày 20/10/2017 là có căn cứ.

Các bị cáo đều là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản và tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có là vi phạm pháp luật hình sự, sẽ bị xử lý nghiêm khắc, thế nhưng do háo hức muốn kiếm tiền nhanh chóng nên các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội; xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác và trật tự quản lý Nhà nước đối với tài sản do phạm tội mà có.

Vụ án có đồng phạm, các bị cáo có vai trò, tính chất mức độ hành vi phạm tội có khác nhau cần đánh giá đúng để có hướng xử lý phù hợp:

Tại phiên tòa, bị cáo Võ Văn P không thừa nhận việc bị cáo nói trước để khởi xướng, rủ rê bị cáo T, bị cáo Nguyễn Quý Đ nhưng căn cứ vào lời khai của bị cáo T và bị cáo Nguyễn Quý Đ và khi các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội thì bị cáo Nguyễn Quý Đ là người chưa đủ 18 tuổi, bị cáo T bị hạn chế khả năng điều khiển hành vi nên có đủ căn cứ và cơ sở để khẳng định bị cáo Võ Văn P là người thực hành và rủ rê, lôi kéo Trần Văn T, Nguyễn Quý Đ thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản nên Võ Văn P phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án. Các bị cáo Trần Văn T, Nguyễn Quý Đ là người thực hiện hành vi phạm tội và thống nhất ý chí với nhau nên phải chịu trách nhiệm như nhau.

Đối với bị cáo Trần Văn T khi bị bắt, bị cáo khai có điều trị bệnh rối loạn hỗn hợp lo âu và trầm cảm tại Bệnh viện tâm thần Hà Tĩnh nên Cơ quan Cảnh sát điều tra ra Quyết định trưng cầu giám định tâm thần đối với Trần Văn T. Tại Bản kết luận giám định pháp y tâm thần số: 548/KLGĐTC ngày 30 tháng 8 năm 2017 của Trung tâm Pháp y tâm thần khu vực Miền Trung kết luận đối với Trần Văn T là: Về mặt y học: Rối loạn lo âu không biệt định (F41.9); về mặt pháp luật: Đủ khả năng nhận thức và hạn chế khả năng điều khiển hành vi. Vì vậy, bị cáo T phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi của mình gây ra. Tòa án đã yêu cầu Đoàn luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế cử Luật sư làm người bào chữa cho bị cáo theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 57 của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, người bào chữa đồng ý với mức hình phạt mà Viện kiểm sát đã đề nghị đối với bị cáo T. Người bào chữa đề nghị cho bị cáo T được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít

ng nghiêm trọng theo quy định tại điểm h, khoản 1 Điều 46 và cho bị cáo được áp dụng thêm Điều 47 của Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát bác bỏ quan điểm của người bào chữa vì bị cáo T phạm vào khung hình phạt từ 02 năm đến 07 năm tù là thuộc trường hợp phạm tội nghiêm trọng nên không thể áp dụng tình tiết giảm nhẹ “*phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*” quy định tại điểm h, khoản 1, Điều 46 của Bộ luật hình sự; bị cáo T chưa bồi thường cho người bị hại, chưa khắc phục hậu quả nên không đủ điều kiện để áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Nguyễn Quý Đ, khi thực hiện hành vi phạm tội Nguyễn Quý Đ chưa đủ 18 tuổi và bị Võ Văn P rủ rê nên bị cáo chịu trách nhiệm sau Võ Văn P, Trần Văn T. Khi bị cơ quan điều tra khởi tố và khi xét xử bị cáo Nguyễn Quý Đ đã đủ 18 tuổi nên không thuộc trường hợp quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 57 của Bộ luật tố tụng hình sự nhưng bị cáo được hưởng các chính sách đối với người chưa thành niên phạm tội quy định tại Điều 69 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Thị T là người trực tiếp mua thẻ cào từ Võ Văn P, Trần Văn T, Nguyễn Quý Đ với số lượng lớn, liên tục trong nhiều ngày, giá chỉ 75% là quá thấp so với mức giá được hưởng chênh lệch theo qui định chung của các nhà mạng nhưng vì háo lợi nên mua sau đó bán lại để kiếm lời, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm đối với hành vi của mình.

Đối với bị cáo Phan Thị Th là đồng phạm giúp sức tiêu thụ thẻ cào cho Nguyễn Thị T, đồng thời hưởng phần trăm chênh lệch từ việc mua bán với Nguyễn Thị T. Do Phan Thị Th đã có 03 tài khoản VTC Pay tại Công ty V với mục đích bán thẻ cào điện thoại nên dễ tiêu thụ với số lượng lớn thẻ cào. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm hại trật tự quản lý Nhà nước đối với tài sản do phạm tội mà có và làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, nên cần phải xử lý nghiêm mới đảm bảo tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, bị cáo Phan Thị Th có vai trò thứ yếu trong vụ án, đang nuôi con nhỏ, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt, nên cần xem xét không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội cũng có tác dụng giáo dục răn đe, phòng ngừa chung.

Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách hình hình sự đối với các bị cáo như sau:

- Về các tình tiết giảm nhẹ:

Các bị cáo là có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải. Bị cáo Võ Văn P, Nguyễn Quý Đ, Nguyễn Thị T, Phan Thị Th đã bồi thường một phần tài sản đã chiếm đoạt cho những người bị hại và nộp lại số tiền thu lợi bất chính đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo Võ Văn P, Nguyễn Quý Đ, Nguyễn Thị T, Phan Thị Th được hưởng, quy định tại điểm b, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Trong quá trình điều tra án, bị cáo Nguyễn Quý Đ đã tự nguyện đầu thú, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2, Điều 46 của Bộ luật hình sự.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo T là người có bệnh bị hạn chế khả năng điều khiển hành vi nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm n, khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự.

- *Về tình tiết tăng nặng:* Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo Nguyễn Quý Đ chưa đủ 18 tuổi và bị Võ Văn P rủ rê, xúi giục nên Võ Văn P bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là xúi giục người chưa thành niên phạm tội quy định tại điểm n, khoản 1 Điều 48 của Bộ luật hình sự.

**Về trách nhiệm dân sự và tiền thu lợi bất chính:*

Khi chiếm đoạt được số tiền 165.500.000 đồng của bà Lương Thị Thanh Tr các bị cáo Võ Văn P, Trần Văn T, Nguyễn Quý Đ đã chia nhau tiêu xài cá nhân (bị cáo Nguyễn Quý Đ được chia 50.000.000 đồng dùng để mua xe mô tô nhãn hiệu Yamaha-Exciter) nên phải buộc các bị cáo Võ Văn P, Trần Văn T, Nguyễn Quý Đ phải liên đới bồi thường số tiền đã chiếm đoạt cho bà Lương Thị Thanh Tr theo phần như sau:

- Bị cáo Võ Văn P phải bồi thường 35% của tổng số tiền (165.500.000 đồng) mà các bị cáo chiếm đoạt là 57.925.000 đồng. Bị cáo P đã tác động gia đình bồi thường trực tiếp cho bà Lương Thị Thanh Tr 20.000.000 đồng và nộp 30.000.000 đồng nên được khấu trừ, số tiền còn lại bị cáo Võ Văn P phải tiếp tục bồi thường là 7.925.000 đồng.

- Bị cáo Trần Văn T phải bồi thường 30% của tổng số tiền (165.500.000 đồng) mà các bị cáo chiếm đoạt là 49.650.000 đồng.

- Bị cáo Nguyễn Quý Đ phải bồi thường 35% của tổng số tiền (165.500.000 đồng) mà các bị cáo chiếm đoạt là 57.925.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Quý Đ đã nộp 20.000.000 đồng và tại phiên tòa sơ thẩm, giữa bị cáo Nguyễn Quý Đ, bà ĐTC (mẹ của bị cáo Nguyễn Quý Đ và anh L) và bà Lương Thị Thanh Tr người bị hại, ông PLQ (con bà Tr, người được bà Tr ủy quyền) đã thỏa thuận: Bị cáo Nguyễn Quý Đ sẽ giao chiếc xe mô tô (do Đ dùng tiền chiếm đoạt của bà Tr để mua) kèm theo Giấy đăng ký xe mang biển kiểm soát số 38K1-298.32 màu xanh bạc, nhãn hiệu Yamaha-Exciter mang tên NTL cho bà Lương Thị Thanh Tr (hai bên thỏa thuận chiếc xe mô tô nói trên có giá trị 30.000.000 đồng) để trừ vào số tiền mà bị cáo Nguyễn Quý Đ phải bồi thường bà Lương Thị Thanh Tr, thỏa thuận này không trái pháp luật, không vi phạm đạo đức xã hội nên cần công nhận. Như vậy, số tiền còn lại bị cáo Nguyễn Quý Đ phải tiếp tục bồi thường cho bà Lương Thị Thanh Tr là 7.925.000 đồng.

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính 4.965.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước. Ông NBB (chồng bị cáo Nguyễn Thị T) đã tự nguyện nộp thay cho Nguyễn Thị T số tiền 4.965.000 đồng nên được khấu trừ hết.

- Buộc bị cáo Phan Thị Th phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính 6.620.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước. Bà NTH (mẹ của bị cáo Phan Thị Th) tự nguyện nộp thay cho Nguyễn Thị T số tiền 6.620.000 đồng nên được khấu trừ hết.

Về xử lý vật chứng:

- *Đối với vật chứng tạm giữ của Phan Thị Th:*

- + 01 (Một) máy tính laptop, model: TP500L, hiệu ASUS, màu đen.
- + 01 (Một) điện thoại di động hiệu Sam sung SM-G925F, màu vàng.
- + 01 (Một) điện thoại di động hiệu Nokia-1280, màu tím, số IMEI 354339/04/857378/0.
- + 01 (Một) điện thoại di động Nokia-1280, màu đen, số IMEI: 353779/04/932587/3.

Các vật chứng trên là những công cụ, phương tiện mà bị cáo Phan Thị Th dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu hóa giá, sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với vật chứng của tạm giữ của bị cáo Võ Văn P:

+ 01 (Một) Giấy chứng minh nhân dân mang tên Võ Văn P: Trả lại cho bị cáo Võ Văn P.

+ 01 (Một) thẻ ATM số 0411001021007, chủ thẻ Võ Văn P do Ngân hàng Vietcombank phát hành, trả lại cho bị cáo Võ Văn P.

- 01 (Một) xe mô tô kèm theo Giấy đăng ký xe mang biển kiểm soát số 38K1-298.32 màu xanh bạc, nhãn hiệu Yamaha-Exciter mang tên NTL (công nhận theo như thỏa thuận đã phân tích ở trên).

- Đối với vật chứng tạm giữ của Trần Văn T:

+ 01 (Một) điện thoại di động Vega, màu trắng, số IMEI 356163050479472S/N: 0087888.

+ 01 (Một) điện thoại di động Nokia-107, màu đỏ, số IMEI 1: 354273/06/755090/0, Số IMEI 2: 354273/06/755091/8.

Các điện thoại này, bị cáo T dùng vào việc phạm tội nên cần tịch thu hóa giá, sung công quỹ Nhà nước

+ 01 (Một) thẻ ATM số 9704366811805774011, chủ thẻ mang tên Trần Văn T do Ngân hàng Vietcombank phát hành.

+ 01 (Một) thẻ ATM số 9704320866517446, chủ thẻ mang tên Trần Văn T do Ngân hàng VP Bank phát hành.

Cần trả lại cho bị cáo Trần Văn T.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu mỗi bị cáo 200.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Do số tiền còn lại mà bị cáo Võ Văn P phải tiếp tục bồi thường là 7.925.000 đồng nên bị cáo Võ Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 7.925.000 đồng x 5% = 396.250 đồng.

- Do số tiền còn lại mà bị cáo Trần Văn T phải bồi thường là 49.650.000 đồng, nên bị cáo T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 49.650.000 đồng x 5% = 2.482.500 đồng.

- Do số tiền còn lại mà bị cáo Nguyễn Quý Đ phải bồi thường là 7.925.000 đồng nên bị cáo Nguyễn Quý Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 7.925.000 đồng x 5% = 396.250 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Võ Văn P, Trần Văn T, Nguyễn Quý Đ phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”; bị cáo Nguyễn Thị T, Phan Thị Th phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

- Áp dụng điểm e, khoản 2, Điều 139; điểm b, p khoản 1, Điều 46; điểm n, khoản 1, Điều 48 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Võ Văn P **04 (bốn) năm tù**. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 29 tháng 3 năm 2017.

- Áp dụng điểm e, khoản 2, Điều 139; điểm n, p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn T **03 (ba) năm tù**. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 11 tháng 5 năm 2017.

- Áp dụng điểm e, khoản 2, Điều 139; Điều 69; Điều 74; điểm b, p khoản 1, khoản 2, Điều 46 của Bộ luật hình sự phạt bị cáo Nguyễn Quý Đ **02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- Áp dụng điểm c, khoản 2, Điều 250 điểm b, p khoản 1, Điều 46, Điều 47 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị T **09 (chín) tháng 21 (hai một) ngày tù** Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 09 tháng 02 năm 2017 (Do hình phạt tù bằng với thời gian bị cáo Nguyễn Thị T đã bị tạm giam nên quyết định trả tại do cho bị cáo Nguyễn Thị T tại phiên tòa).

- Áp dụng điểm c, khoản 2, Điều 250 điểm b, p khoản 1, Điều 46, Điều 47, Điều 60 của Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Phan Thị Th **09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo**, thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phan Thị Th cho Ủy ban nhân dân xã KV, huyện K, tỉnh Hà Tĩnh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, nơi làm việc thì thực hiện theo quy định tại khoản 1, Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 của Bộ luật hình sự; Điều 357, khoản 2 Điều 468, Điều 584, 585, 587 và Điều 589 của Bộ luật dân sự 2015;

Xử buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho người bị hại số tiền như sau:

- Bị cáo Võ Văn P phải bồi thường cho bà Lương Thị Thanh Tr 57.925.000 đồng. Bị cáo Võ Văn P đã tác động gia đình bồi thường trực tiếp cho bà Tr 20.000.000 đồng và nộp 30.000.000 đồng nên được khấu trừ, số tiền còn lại bị cáo Võ Văn P phải tiếp tục bồi thường cho bà Tr là 7.925.000 đồng.

- Bị cáo Trần Văn T phải bồi thường cho bà Lương Thị Thanh Tr là 49.650.000 đồng.

- Bị cáo Nguyễn Quý Đ phải bồi thường cho bà Lương Thị Thanh Tr là 57.925.000 đồng, bị cáo Nguyễn Quý Đ đã nộp 20.000.000 đồng và công nhận thỏa thuận giữa bị cáo Nguyễn Quý Đ với bà Lương Thị Thanh Tr: Bị cáo Nguyễn Quý Đ sẽ giao chiếc xe mô tô kèm theo Giấy đăng ký xe mang biển kiểm soát số 38K1-298.32 màu xanh bạc, nhãn hiệu Yamaha-Exciter mang tên NTL cho bà Lương Thị Thanh Tr (hai bên thỏa thuận chiếc xe mô tô nói trên có giá trị 30.000.000 đồng) để trừ vào số tiền mà bị cáo Nguyễn Quý Đ phải bồi thường cho bà Lương Thị Thanh Tr. Số tiền còn lại bị cáo Nguyễn Quý Đ phải tiếp tục bồi thường cho bà Lương Thị Thanh Tr là 7.925.000 đồng.

- Buộc bị cáo Nguyễn Thị T phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính 4.965.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước. Ông NBB (chồng bị cáo Nguyễn Thị T) đã tự nguyện nộp thay cho bị cáo Nguyễn Thị T số tiền 4.965.000 đồng nên được khấu trừ hết.

- Buộc bị cáo Phan Thị Th phải nộp lại số tiền thu lợi bất chính 6.620.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước. Bà NTH (mẹ của bị cáo Phan Thị Th) tự nguyện nộp thay cho bị cáo Phan Thị Th số tiền 6.620.000 đồng nên được khấu trừ hết.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật hình sự; Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự, xử:

- *Tịch thu hóa giá, sung công quỹ Nhà nước các vật chứng sau:*

+ 01 (Một) máy tính laptop, model: TP500L, hiệu ASUS, màu đen.

+ 01 (Một) điện thoại di động hiệu Sam sung SM-G925F, màu vàng.

+ 01 (Một) điện thoại di động hiệu Nokia-1280, màu tím, số IMEI 354339/04/857378/0.

+ 01 (Một) điện thoại di động Nokia-1280, màu đen, số IMEI: 353779/04/932587/3.

+ 01 (Một) điện thoại di động Vega, màu trắng, số IMEI 356163050479472S/N: 0087888.

+ 01 (Một) điện thoại di động Nokia-107, màu đỏ, số IMEI 1: 354273/06/755090/0, Số IMEI 2: 354273/06/755091/8.

- *Trả lại cho bị cáo Võ Văn P.*

+ 01 (Một) Giấy chứng minh nhân dân mang tên Võ Văn P:

+ 01 (Một) thẻ ATM số xxx, chủ thẻ Võ Văn P do Ngân hàng Vietcombank phát hành.

- *Trả lại cho bị cáo Trần Văn T:*

+ 01 (Một) thẻ ATM số xxx, chủ thẻ mang tên Trần Văn T do Ngân hàng Vietcombank phát hành.

+ 01 (Một) thẻ ATM số xxx, chủ thẻ mang tên Trần Văn T do Ngân hàng VP Bank phát hành.

Đối với 01 (Một) xe mô tô kèm theo Giấy đăng ký xe mang biển kiểm soát số 38K1-298.32 màu xanh bạc, nhãn hiệu Yamaha-Exciter mang tên NTL (đã giải quyết để bồi thường như phân tích ở trên).

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

- Buộc các bị cáo phải chịu mỗi bị cáo 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.
- Bị cáo Võ Văn P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 396.250 đồng.
- Bị cáo Trần Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 2.482.500 đồng.
- Bị cáo Nguyễn Quý Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 396.250 đồng.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền nêu trong bản án thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm một khoản tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357; khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 của Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014 thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án này là sơ thẩm, bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng những người vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT Huế;
- Phòng PV27- CA tỉnh;
- Trại tạm giam Công an tỉnh;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu: Tòa HS, Vp, Tổ HCTP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Đào Thị Mai Hương